



Đề cương Tư tưởng Hồ Chí Minh - HK221

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)



Scan to open on Studocu

Đề cương

Tư tưởng Hồ Chí Minh

HK221



HỒNG ĐỨC LINH

MỤC LỤC

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Cơ sở thực tiễn	2
1.2. Cơ sở lý luận	5
1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh.....	9

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

2.1. Vấn đề độc lập dân tộc.....	11
2.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc	15

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

3.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	20
3.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh	20

IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

4.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc.....	26
4.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc	27
4.3. Điều kiện để xây dựng khối đoàn đoàn kết toàn dân tộc	27
4.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất.....	28
4.4. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.....	30

I.

CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1.1.1 THỰC TIỄN VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX – ĐẦU THẾ KỶ XX

Từ 1858, Pháp bắt đầu xâm lược VN. Nhà Nguyễn ký hiệp ước đầu hàng, trở thành tay sai của Pháp.

Từ 1858 – cuối XIX, các phong trào chống Pháp nổ ra.

- Miền Nam: Trương Định, Nguyễn Trung Trực.
- Miền Trung: Trần Tấn, Đặng Như Mai, Phan Đình Phùng.
- Miền Bắc: Nguyễn Thiện Thuật, Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Nguyễn Quang Bích, Hoàng Hoa Thám,...

Các cuộc khởi nghĩa vũ trang dưới ngọn cờ “Cần Vương” đều thất bại.

=> **Tư tưởng phong kiến lỗi thời**

Pháp khai thác thuộc địa VN, biến nước ta từ nước phong kiến thành “**thuộc địa và phong kiến**” => biến đổi cơ cấu **giai cấp, tầng lớp** trong xã hội.

Pháp vẫn duy trì nền kinh tế nông nghiệp, 95% dân số là nông dân, bổ sung địa chủ, điền chủ người Pháp và người nước ngoài.

CÁC TẦNG LỚP:

- Thợ thủ công
- Tiểu thương
- Mới: {
 Công nhân
 Tư sản
 Tiểu tư sản

MÂU THUẪN CƠ BẢN:

- Nông dân và địa chủ phong kiến
- Mới: {
 Công nhân VN và tư sản
 Toàn thể nhân dân VN và thực dân Pháp

Đầu thế kỷ XX, ảnh hưởng của các cuộc vận động cải cách, cách mạng dân chủ tư sản Trung Quốc, Duy Tân của Nhật Bản, ở VN xuất hiện các phong trào yêu nước theo **khuynh hướng dân chủ tư sản** như:

- Đông Du – Phan Bội Châu – 1905-1909
- Duy Tân – Phan Châu Trinh – 1906-1908
- Đông Kinh – Lương Văn Can, Nguyễn Quyền và một số nhân sĩ khác – Tháng 3-11/1907
- Chống đi phu
- Chống sưu thuế ở Trung Kỳ (1908),...

=> **Đều thất bại do giai cấp tư sản còn non yếu (nguyên nhân sâu xa) và các tổ chức, người lãnh đạo phong trào chưa có đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn (nguyên nhân trực tiếp).**

Sự ra đời của giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân VN làm cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc xuất hiện dấu hiệu mới của một thời đại mới sắp ra đời.

Đầu thế kỷ XX, công nhân phát triển hơn và trở thành một giai cấp ngay trước Chiến tranh TGTN (1914-1918).

Công nhân VN chịu **3 tầng áp bức bóc lột**:

- Thực dân
- Tư sản
- Phong kiến

Hình thức đấu tranh chống lại giới chủ: đốt lán trại, bỏ trốn tập thể, đình công, bãi công.

Phong trào công nhân và phong trào yêu nước tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nghĩa Mác – Lênin xâm nhập, truyền bá.

Hồ Chí Minh là người truyền bá, chuẩn bị về **lý luận, chính trị, tư tưởng và tổ chức, sáng lập Đảng Cộng Sản Việt Nam.**

Nhân tố góp phần bổ sung, phát triển tư tưởng:

- Đảng lãnh đạo Cách mạng tháng tám thành công.
- Lãnh đạo kháng chiến chống Pháp thắng lợi.
- Lãnh đạo đất nước vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống Mỹ.

1.1.2 THỰC TIỄN THẾ GIỚI CUỐI THẾ KỶ XIX – ĐẦU THẾ KỶ XX

Chủ nghĩa tư bản phát triển **tự tự do cạnh tranh sang đế quốc chủ nghĩa**.

Một số nước đế quốc chi phối toàn bộ tình hình thế giới.

Phần lớn các nước Châu Á, Châu Phi và khu vực Mỹ Latinh trở thành thuộc địa và phụ thuộc của các nước đế quốc.

Làm **sâu sắc thêm mâu thuẫn vốn có** trong lòng chủ nghĩa tư bản:

- **Tư sản** với **vô sản** ở các nước tư bản
- **Các nước đế quốc** với nhau
- Các **dân tộc** thuộc địa và phụ thuộc với **chủ nghĩa Đế quốc**

=> Thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thành công là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa M-L. Đã đánh đổ giai cấp tư sản và địa chủ phong kiến, lập nên xã hội mới: **Xã hội xã hội chủ nghĩa**.

=> **Mở ra thời đại mới: quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội**, mở ra **con đường giải phóng** cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

2/3/1919, Quốc Tế Cộng sản ra đời ở Matxcova, lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới, dưới sự lãnh đạo của Lê Nin, đẩy mạnh truyền bá chủ nghĩa M – L và kinh nghiệm CMT10 Nga ra thế giới, thúc đẩy sự ra đời, hoạt động mạnh mẽ của đảng Cộng sản ở nhiều nước.

Những nhân tố ảnh hưởng tới Hồ Chí Minh trên hành trình tìm mục tiêu và con đường cứu nước:

- CMT10 Nga thắng lợi.
- Ra đời của Nhà nước Xô Viết, Quốc tế Cộng sản.
- Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.
- Sự phát triển phong trào cộng sản, công nhân và giải phóng dân tộc trên thế giới.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.2.1 GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Chủ nghĩa yêu nước:

- Là **động lực, sức mạnh**.
- Là **nền tảng tư tưởng**, điểm xuất phát
- **Động lực thúc đẩy** Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước và tìm thấy ở chủ nghĩa M-L con đường cứu nước.

Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất.

Không có gì quý hơn độc lập, tự do là **chân lý lớn** của thời đại được Hồ Chí Minh khẳng định, là một **điểm cốt lõi** trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong lãnh đạo nhân dân VN xây dựng và bảo vệ đất nước, Hồ Chí Minh chú trọng kế thừa, phát triển:

- **Yêu nước gắn liền với yêu dân**, có tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung trong cộng đồng và hòa hiếu với
- **Các dân tộc lân bang**.
- **Tinh thần** cần cù, dũng cảm, sáng tạo, lạc quan, vì nghĩa, thương người của dân tộc VN.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh:

- **Con người là vốn quý nhất**, là **nhân tố quyết định thành công** của cách mạng
- **Dân là gốc** của nước.
- Nước lấy **dân làm gốc**.
- Gốc có vững cây mới bền.
- **Xây lâu thắng lợi** trên nền nhân dân.
- **Đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế** là một **nguyên tắc chiến lược** quyết định thắng lợi của cách mạng VN.

1.2.2 TINH HOA VĂN HÓA NHÂN LOẠI

PHƯƠNG ĐÔNG

Kết tinh trong **3 học thuyết**:

- Nho giáo
- Phật giáo
- Lão giáo

a) Nho giáo:

- Tư tưởng dùng **nhân trị, đức trị để quản lý** xã hội.
- **Xây dựng một xã hội** lý tưởng trong đó **công bằng, bác ái, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm** được coi trọng.
- Đặc biệt là **tinh thần trọng đạo đức** trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của con người, trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức.

b) Phật giáo:

- Tư tưởng **từ bi, vị tha**, yêu thương con người, khuyến khích làm **việc thiện**, chống lại điều ác.
- Đề cao **quyền bình đẳng** của con người và chân lý.
- Khuyến con người sống **hòa đồng, gắn bó với đất nước**.
- Tư tưởng **nhân bản, đạo đức tích cực** vào việc xây dựng xã hội mới, con người mới.

c) Lão giáo (Đại giáo):

- Tư tưởng của Lão Tử: khuyên con người sống **gắn bó, hòa đồng với thiên nhiên**, bảo vệ môi trường sống. => Kêu gọi nhân dân trồng cây, tổ chức “Tết trồng cây”
- Tư tưởng **thoát mọi ràng buộc của vòng danh lợi**.

Khuyên cán bộ, đảng viên:

- **Ít lòng tham muốn** về vật chất.
- Thực hiện **cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư**.
- **Hành động theo đạo lý** với ý nghĩa là hành động đúng với quy luật tự nhiên, xã hội.

d) Trường phái khác:

- Các nhà tư tưởng phương Đông cổ đại như Mặc Tử, Hàn Phi Tử, Quản Tử,...

- Trào lưu tư tưởng tiến bộ thời cận hiện đại ở Ấn Độ, Trung Quốc như chủ nghĩa Găngđi, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn (vận dụng vì phù hợp với VN).
- Các quan điểm về **dân tộc, dân quyền, dân sinh** của Tôn Trung Sơn trong cách mạng **dân chủ tư sản** thành tư tưởng đấu tranh cho Độc lập – Tự do – Hạnh phúc theo con đường cách mạng **vô sản**.
- Kế thừa và phát triển những tinh hoa trong tư tưởng, văn hóa phương Đông để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam thời hiện đại.

PHƯƠNG TÂY

Khẩu hiệu của Đại Cách mạng **Pháp: Tự do – Bình đẳng – Bác ái**

Kế thừa, phát triển những **quan điểm nhân quyền, dân quyền** trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của **Mỹ**, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* năm 1791 của **Pháp** và đề xuất quan điểm về quyền mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc.

Sống, hoạt động thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa nhân loại tại những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lớn ở các cường quốc trên thế giới.

Nghiên cứu tư tưởng nhân văn, dân chủ và nhà nước pháp quyền của các nhà khai sáng phương Tây như Vonte, Rutxo, Mongtetxkio.

Tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

Thích đọc sách văn học của William Shakespeare, Lỗ Tấn, Hugo, Zola, 2 nhà văn Anatole France và Léon Tolstoi.

CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

CMT10N năm 1917 và thời đại mới cũng như chủ nghĩa M-L là **cơ sở lý luận** quyết định bước phát triển mới về chất.

Đã giải quyết được cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước và người lãnh đạo cách mạng ở VN cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX.

Là **thế giới quan, phương pháp luận** trong nhận thức và hoạt động cách mạng.

Kế thừa, đổi mới, phát triển những **giá trị truyền thống** tốt đẹp của dân tộc VN, tinh hoa văn hóa nhân loại kết hợp với thực tiễn cách mạng tổng nước và thế giới **hình thành** nên một hệ thống các **quan điểm cơ bản, toàn diện về cách mạng VN**.

Là **tiền đề lý luận quan trọng nhất**, có **vai trò quyết định** trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhận định của Hồ Chí Minh:

- Học thuyết **Khổng Tử** có ưu điểm là sự **tu dưỡng đạo đức** cá nhân.
- **Tôn giáo Jesu** có ưu điểm là **lòng nhân ái** cao cả.
- **Chủ nghĩa Mác** có ưu điểm là phương pháp làm việc **biện chứng**.
- **Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên** có ưu điểm là **chính sách phù hợp** với điều kiện nước ta.

=> Đều **mưu hạnh phúc** cho loài người, **mưu phúc lợi** cho xã hội.

1.3. NHÂN TỐ CHỦ QUAN HỒ CHÍ MINH

1.3.1 PHẨM CHẤT HỒ CHÍ MINH

- Có **lý tưởng cao cả và hoài bão lớn** cứu dân, cứu nước thoát khỏi cảnh lầm than, cơ cực.
 - Có **ý chí, nghị lực to lớn**, một mình dám đi ra nước ngoài khảo sát thực tế các nước để quốc cũng như các dân tộc thuộc địa chỉ với 2 bàn tay trắng.
 - Có **bản lĩnh tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo**, giàu tính phê phán, đổi mới và cách mạng.
 - **Vận dụng đúng quy luật** chung của xã hội loài người, của cách mạng thế giới vào hoàn cảnh riêng, cụ thể của VN, đề xuất tư tưởng, đường lối cách mạng mới đáp ứng đúng đòi hỏi thực tiễn.
 - Có **năng lực tổ chức** biến tư tưởng, đường lối thành hiện thực.
 - Có **tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại**.
 - Có **năng lực tổng kết thực tiễn, dự báo tương lai** chính xác.
 - Suốt đời **tận trung với nước, tận hiếu với dân**
 - Suốt đời **đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng** của Đảng Cộng sản VN và của cách mạng thế giới.
- ⇒ Là **nhân tố quyết định** những thành công của Hồ Chí Minh trong hoạt động lý luận và thực tiễn cho dân tộc VN và nhân loại

1.3.2 TÀI NĂNG HOẠT ĐỘNG, TỔNG KẾT THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN

- Có **vốn sống và thực tiễn cách mạng** phong phú, phi thường.
- Đặc biệt **xác định rõ bản chất, thủ đoạn** của chủ nghĩa đế quốc, thực dân.
- **Thấu hiểu tình cảnh** người dân ở nhiều nước thuộc địa.
- **Thấu hiểu về phong trào** giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng Cộng sản,... **qua nghiên cứu lý luận và việc tham gia** sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, hoạt động ở Trung Quốc, tham gia phong trào cộng sản quốc tế ở nhiều nước, nghiên cứu đời sống xã hội ở Liên Xô,...
- Là **nhà tổ chức vĩ đại** của cách mạng VN.
- Đã **thực hiện hóa tư tưởng, lý luận cách mạng** thành hiện thực sinh động, đồng thời **tổng kết thực tiễn cách mạng, bổ sung, phát triển lý luận, tư tưởng cách mạng**.
- **Sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất**.

- **Sáng lập Quân đội** nhân dân VN.
- **Khai sinh Nhà nước** kiểu mới ở VN.

⇒ Là **nhân tố chủ quan** hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

II.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

2.1. VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

2.1.1 ĐỘC LẬP, TỰ DO LÀ QUYỀN THIÊN LIÊNG, BẤT KHẢ XÂM PHẠM CỦA TẤT CẢ CÁC DÂN TỘC

Khát khao to lớn của dân tộc ta là luôn mong muốn có được một nền **độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân** và đó cũng là một giá trị tinh thần thiêng liêng, bất hủ của dân tộc mà Hồ Chí Minh là hiện thân cho tinh thần ấy.

Năm 1919, Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị Vécxây (Pháp) bản Yêu sách của nhân dân An Nam, bao gồm **8 điểm** với **hai nội dung chính**:

- **Đòi quyền bình đẳng** về mặt pháp lý.
- **Đòi các quyền tự do, dân chủ** của người **dân Đông Dương**.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của các dân tộc thuộc địa mà trước hết là **quyền bình đẳng và tự do đã hình thành**.

Khẳng định những giá trị thiêng liêng, bất biến về quyền dân tộc.

Quyền tự do, bình đẳng và quyền con người - “*những quyền mà không ai có thể xâm phạm được*” trong bản **Tuyên ngôn Độc lập của cách mạng Mỹ** năm 1776, **Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp** năm 1791.

Khẳng định: “*Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do... Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được*”

Trong **Chánh cương vắn tắt** của Đảng (năm 1930), Hồ Chí Minh xác định **mục tiêu chính trị** của Đảng là:

- **Đánh đổ đế quốc** chủ nghĩa Pháp và bọn **phong kiến**.
- Làm cho **nước Nam** được hoàn toàn **độc lập**.

Tuyên ngôn độc lập năm 1945: “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy*”.

Ý chí và quyết tâm trên còn được thể hiện trong **hai cuộc kháng chiến** chống thực dân **Pháp** và đế quốc **Mỹ** xâm lược.

Trong **lời kêu gọi Liên hợp quốc năm 1946**, Hồ Chí Minh khẳng định: *“Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”*.

Pháp tiến hành **xâm lược** Việt Nam **lần thứ hai**, trong **Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến** ngày 19/12/1946: *“Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*

Năm 1966, đế quốc **Mỹ** **tăng cường mở rộng chiến tranh** ở Việt Nam: Ô ạt đưa **quân viễn chinh Mỹ**, **chur hầu** vào **miền Nam** tiến hành chiến lược **“Chiến tranh cục bộ”** và gây chiến tranh **phá hoại miền Bắc**.

Một **chân lý thời đại**, một **tuyên ngôn bất hủ** của các dân tộc khao khát nền độc lập, tự do trên thế giới *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”*.

Buộc **Mỹ** **phải ký kết Hiệp định Pari**, cam kết tôn trọng các **quyền dân tộc cơ bản** của nhân dân Việt Nam, **rút quân Mỹ** về nước.

2.1.2 ĐỘC LẬP DÂN TỘC PHẢI GẮN LIỀN VỚI TỰ DO, HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN

Độc lập dân tộc **phải gắn với tự do** của nhân dân.

Đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn về độc lập và tự do: dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc.

Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”*

Khẳng định dân tộc Việt Nam đương nhiên cũng phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi. *“Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”*.

Năm 1930, trong **Chánh cương vắn tắt** của Đảng, **mục tiêu của đấu tranh của cách mạng** là *“Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập...dân chúng được tự do...thủ tiêu hết các thứ quốc trái...thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo...thi hành luật ngày làm 8 giờ”*.

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công: *“Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”*.

Độc lập cũng phải gắn với cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân.

Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong hoàn cảnh nhân dân đói rét, mù chữ... , phải thực hiện ngay: **Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành.**

“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”.

2.1.3 ĐỘC LẬP DÂN TỘC PHẢI LÀ NỀN ĐỘC LẬP THẬT SỰ, HOÀN TOÀN VÀ TRIỆT ĐỂ

Trong quá trình đi xâm lược các nước, bọn thực dân đế quốc hay dùng chiêu bài **mị dân**, thành lập các **chính phủ bù nhìn** bản xứ, tuyên truyền **“độc lập tự do”** thực chất là **che đậy bản chất “ăn cướp” và “giết người”**.

Độc lập dân tộc phải là **độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để** trên **tất cả các lĩnh vực**.

Sau Cách mạng Tháng Tám còn gặp nhiều khó khăn, nhất là **nạn thù trong giặc ngoài** bao vây tứ phía, để bảo vệ nền độc lập thật sự mới giành được, Người đã cùng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sử dụng nhiều biện pháp trong đó có biện pháp **ngoại giao**, để bảo đảm nền độc lập thật sự của đất nước.

2.1.4 ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI THỐNG NHẤT VÀ TOÀN VỆN LÃNH THỔ

Thực dân Pháp khi xâm lược nước ta đã **chia đất nước ta ra ba kỳ**, mỗi kỳ có **chế độ cai trị riêng**.

Sau Cách mạng Tháng Tám:

- **Miền Bắc** bị quân **Tướng Giới Thạch chiếm đóng**.
- **Miền Nam** thì thực dân **Pháp xâm lược** và sau khi độc chiếm hoàn toàn Việt Nam, bày ra **“Nam Kỳ tự trị”** hòng chia cắt nước ta một lần nữa.

“Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”.

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia **cắt làm hai miền**.

“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”.

“Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”.

Tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

2.2. VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

2.2.1 CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC MUỐN THẮNG LỢI PHẢI ĐI THEO CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VÔ SẢN

Từ khi thực dân Pháp xâm lược, **vấn đề sống còn** của dân tộc được đặt ra là phải **đấu tranh để giải phóng dân tộc** khỏi ách thực dân đế quốc.

Nhiều phong trào yêu nước đã nổ ra nhưng không thành công đã nói lên sự **khủng hoảng, bế tắc về giai cấp lãnh đạo và đường lối cách mạng**.

Người đã nói: *“Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”*.

Người **quyết định không chọn con đường cách mạng tư sản** vì cho rằng: *“Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hằng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức”*.

Năm 1917, **Cách mạng Tháng Mười Nga** thắng lợi đã ảnh hưởng sâu sắc tới Người: *“Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam...Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mác Khắc Tư và Lênin”*.

Năm 1920, sau khi đọc bản **Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin**, Hồ Chí Minh tìm thấy ở đó con đường cứu nước, giải phóng dân tộc: **con đường cách mạng vô sản**: *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”*.

Đây là con đường cách mạng triệt để nhất phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại.

Bài **Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin**, làm Người hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”. **Học thuyết cách mạng vô sản** của chủ nghĩa Mác- Lê Nin được Người vận dụng một cách sáng tạo trong điều kiện cách mạng Việt Nam.

Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, trong đó **giải phóng dân tộc là trước hết**, trên hết.

CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VÔ SẢN :

- Ở châu Âu: **giải phóng giai cấp - giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng con người.**
- Ở Việt Nam và các nước thuộc địa **do hoàn cảnh lịch sử - chính trị** khác nên là: **giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng giai cấp - giải phóng con người.**
- **Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.**

Chánh cương vắn tắt của Đảng năm 1930, **phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam:** làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

Cách mạng tư sản dân quyền trước hết là phải **đánh đổ đế quốc và bọn phong kiến**, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập...

NHIỆM VỤ CHỐNG ĐẾ QUỐC VÀ PHONG KIẾN:

- Theo **Quốc tế cộng sản**: phải được **thực hiện đồng thời**, khăng khít với nhau, nương tựa vào nhau, nhưng **xuất phát từ một nước thuộc địa.**
- Theo **Hồ Chí Minh**: **không nhất thiết** phải thực hiện ngang nhau, nhiệm vụ **đầu tiên là chống đế quốc, giải phóng dân tộc**, còn nhiệm vụ **chống phong kiến, mang lại ruộng đất** cho nông dân thì sẽ **từng bước thực hiện**. *“Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công, chia cho dân cày nghèo”* mà chưa nêu ra chủ trương *“người cày có ruộng”*.

2.2.2 CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, TRONG ĐIỀU KIỆN CỦA VIỆT NAM, MUỐN THẮNG LỢI PHẢI DO ĐẢNG CỘNG SẢN LÃNH ĐẠO

Đảng cộng sản là nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Giai cấp công nhân phải tổ chức ra **chính đảng**, đảng đó phải **thuyết phục, giác ngộ và tập hợp** đông đảo quần chúng, **huấn luyện** quần chúng và đưa quần chúng ra **đấu tranh**.

ĐẢNG CỘNG SẢN:

- Là **đội tiên phong** của giai cấp công nhân.
- Là **đội tiên phong** của nhân dân lao động kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc.
- Là **Đảng của cả dân tộc Việt Nam.**

Đây là một **luận điểm quan trọng** của Hồ Chí Minh có ý nghĩa bổ sung, phát triển lý luận mácxít về đảng cộng sản.

2.2.3 CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC PHẢI DỰA TRÊN LỰC LƯỢNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, LẤY LIÊN MINH CÔNG - NÔNG LÀM NỀN TẢNG

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân.

Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử.

Hồ Chí Minh quan niệm: **có dân là có tất cả**, trên đời này không gì quý bằng dân, được lòng dân thì được tất cả, mất lòng dân thì mất tất cả.

Người khẳng định: **“cách mệnh là việc chung cả dân** chúng chứ không phải việc một hai người”.

Dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Vậy nên phải **tập hợp và đoàn kết toàn dân** thì **cách mạng mới thành công**.

Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân: Đảng phải thu phục đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận dân cày và phải dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng; liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông ...để lôi kéo họ về phía vô sản giai cấp; còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho họ trung lập.

“Công nông là chủ cách mệnh...là gốc cách mệnh”.

Giai cấp **công nhân và nông dân** là hai giai cấp **đồng đảo và cách mạng nhất, bị bóc lột nặng nề nhất**, vì thế *“lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết...công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc”*.

2.2.4 CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CẦN CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO, CÓ KHẢ NĂNG GIÀNH THẮNG LỢI TRƯỚC CÁCH MẠNG VÔ SẢN Ở CHÍNH QUỐC

Do chưa đánh giá hết tiềm lực và khả năng to lớn của cách mạng thuộc địa nên **Quốc tế cộng sản** có lúc xem nhẹ vai trò của **cách mạng thuộc địa**, coi cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc.

Quan điểm “*chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các nước thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến*” có tác động không tốt, làm giảm đi tính chủ động, sáng tạo của nhân dân các nước thuộc địa trong công cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giành độc lập cho dân tộc.

Mối quan hệ khăng khít, tác động qua lại lẫn nhau giữa **cách mạng thuộc địa** và **cách mạng vô sản ở chính quốc** - mối quan hệ **bình đẳng, không lệ thuộc, phụ thuộc** vào nhau.

Đại hội V của Quốc tế cộng sản: “*Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa*”.

Bản án chế độ thực dân Pháp (1925): “*Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra*”.

Cách mạng thuộc địa không những **không phụ thuộc** vào **cách mạng vô sản ở chính quốc** mà có thể **giành thắng lợi trước**.

Thuộc địa có một vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt đối với chủ nghĩa đế quốc, là nơi duy trì sự tồn tại, phát triển, là món mồi “béo bở” cho chủ nghĩa đế quốc.

“*Nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc*”. Nếu thờ ơ về vấn đề cách mạng ở thuộc địa thì như “*đánh chết rắn đằng đuôi*”. **Cách mạng ở thuộc địa** có vai trò rất lớn trong việc cùng với cách mạng vô sản ở chính quốc tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc.

Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa: “*Hỡi anh em ở các thuộc địa...Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em*”.

Thắng lợi năm 1945 ở Việt Nam cũng như **phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới** đã **thành công** vào những năm 60, **trong khi cách mạng vô sản ở chính quốc chưa nổ ra và thắng lợi**, càng chứng minh **luận điểm** trên của Hồ Chí Minh là **độc đáo, sáng tạo, có giá trị lí luận và thực tiễn to lớn**.

2.2.5 CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC PHẢI ĐƯỢC TIẾN HÀNH BẰNG PHƯƠNG PHÁP BẠO LỰC CÁCH MẠNG

C.Mác viết: *“Bạo lực là bà đỡ của một chế độ xã hội cũ đang thai nghén một chế độ mới”*.

Năm 1878, trong tác phẩm Chống Duyrinh, Ph.Ăngghen nhắc lại bạo lực còn là:

- Là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới.
- Là công cụ mà sự vận động xã hội dùng để tự mở đường cho mình và đập tan tành những hình thức chính trị đã hóa đá và chết cứng.

Không có bạo lực cách mạng thì không thể thay thế nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được. Dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

“Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”.

HÌNH THỨC BẠO LỰC CÁCH MẠNG: bạo lực của quần chúng

HAI LỰC LƯỢNG:

- Chính trị
- Quân sự

HAI HÌNH THỨC ĐẤU TRANH: phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể

- Đấu tranh chính trị: là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang
- Đấu tranh vũ trang: có ý nghĩa quyết định đối với việc tiêu diệt lực lượng quân sự và âm mưu thôn tính của thực dân đế quốc, đi đến kết thúc chiến tranh.

Trong **Cách mạng Tháng Tám** năm 1945, với **hình thức tổng khởi nghĩa** của quần chúng nhân dân trong cả nước, chủ yếu dựa vào **lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng vũ trang**, nhân dân ta đã thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân.

III.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

3.1. TÍNH TẤT YẾU VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Cuốn **Đường cách mệnh** (năm 1927), Hồ Chí Minh viết: “Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để **trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp** mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như **người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy**”.

Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin: Trên thế giới, sự ra đời của một đảng cộng sản là **sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa cộng sản khoa học với phong trào công nhân**. Chủ nghĩa Mác - Lênin **cần phong trào công nhân** với tư cách là **lực lượng để thực hiện chủ nghĩa** của mình và **phong trào công nhân cần chủ nghĩa Mác – Lênin** để soi đường dẫn lối đấu tranh.
- Quan điểm của Hồ Chí Minh: “ *Chủ nghĩa Mác kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930*”. Đưa thêm vào **yếu tố thứ ba: phong trào yêu nước**

3.2. ĐẢNG PHẢI TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

3.2.1 ĐẢNG LÀ ĐẠO ĐỨC, LÀ VĂN MINH

Coi **đạo đức là gốc, là nền tảng** của người cách mạng.

ĐẠO ĐỨC CỦA ĐẢNG THỂ HIỆN TRÊN NHỮNG QUAN ĐIỂM SAU ĐÂY:

- **Mục đích hoạt động: lãnh đạo đấu tranh** giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Làm cho **dân tộc được độc lập**, nhân dân có **cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc** thật sự, **đoàn kết hữu nghị** với các dân tộc trên thế giới.

- **Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và mọi hoạt động** thực tiễn của Đảng đều phải nhằm mục đích đó. **Luôn luôn trung thành với lợi ích toàn dân tộc** vì Đảng không có lợi ích riêng; sự ra đời và phát triển của Đảng đều vì **mục đích làm cho đất nước hùng cường đi lên chủ nghĩa xã hội**, đưa lại **quyền lợi cho dân**.
- **Đội ngũ đảng viên:**
 - ❖ Phải luôn luôn **thấm nhuần đạo đức cách mạng**, ra sức tu dưỡng, rèn luyện, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của dân, của nước.
 - ❖ Phải là những người có lòng nhân ái, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”.
 - ❖ Trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân.
 - ❖ có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính và luôn luôn Chí công vô tư.
 - ❖ Có tinh thần quốc tế trong sáng.

Đảng “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, trong sạch nhất, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Những người mà: Giàu sang không thể quyến rũ. Nghèo khó không thể chuyển lay. Uy vũ không thể khuất phục”.

XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THÀNH MỘT ĐẢNG VĂN MINH:

- Đảng văn minh là một Đảng **tiêu biểu cho lương tâm, trí tuệ và danh dự** của dân tộc.
- Đảng ra đời là **một tất yếu**, phù hợp với quy luật văn minh tiến bộ của dân tộc và của nhân loại.
- Đảng phải luôn luôn **trong sạch, vững mạnh, làm tròn sứ mệnh lịch sử: lãnh đạo giành độc lập** cho Tổ quốc và đưa lại **tự do, ấm no, hạnh phúc** cho nhân dân. Chú trọng hơn việc **phòng và chống các tiêu cực** trong Đảng.
- Đảng **hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật**, Đảng không phải là tổ chức đứng trên dân tộc.
- Đội ngũ đảng viên phải là những chiến sĩ **tiên phong, gương mẫu trong công tác và cuộc sống** hàng ngày.
- Có **quan hệ quốc tế trong sáng**, hoạt động không những vì lợi ích dân tộc Việt Nam mà còn vì độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác; vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển của các dân tộc trên thế giới. “*Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không*

nhất định ngày hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”.

=> Đây là **một nội dung đặc sắc** trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, là **bước sáng tạo** của Người so với lý luận của V.I. Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

3.2.2 NHỮNG VẤN ĐỀ NGUYÊN TẮC TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG

a) Lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

“Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”.

Phải **trung thành** với chủ nghĩa Mác – Lênin nhưng **đồng thời** phải luôn luôn **sáng tạo, vận dụng** cho **phù hợp** với **điều kiện** hoàn cảnh, từng lúc, từng nơi, không được phép giáo điều.

b) Tập trung dân chủ:

Là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, bao trùm quá trình tồn tại và phát triển của Đảng. **Tập trung và dân chủ** là hai mặt của nguyên tắc, có **quan hệ khăng khít** với nhau:

- ❖ **Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung.**
- ❖ **Tập trung là thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, mọi đảng viên phải chấp hành vô điều kiện Nghị quyết của Đảng.**

“Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi và cũng là nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý”.

c) Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách:

“Đại bầy hơn khôn độc”.

Cần nhiều người tham gia lãnh đạo.

Lãnh đạo không tập thể thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan, kết quả là hỏng việc. Phụ trách không do cá nhân thì sẽ đi đến tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ.

Tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung.

d) Tự phê bình và phê bình:

Mục đích là làm cho phần tốt trong con người **nảy nở** như hoa mùa xuân, **phần xấu bị mất dần** đi để hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ.

Thái độ, phương pháp phê bình – tự phê bình: Phải được **tiến hành thường xuyên** như người ta rửa mặt hàng ngày, phải kiên quyết, thẳng thắn, không nể nang, phải trung thực, thành khẩn, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Người cũng **phê phán hiện tượng bao che, lẫn tránh khuyết điểm** hoặc dĩ hòa vi quý hoặc lợi dụng phê bình để nói xấu, trù dập người khác.

e) Kỷ luật nghiêm minh, tự giác:

Sức mạnh vô địch của Đảng là tinh thần kỷ luật, tự giác, ý thức nghiêm minh của mỗi cán bộ, đảng viên.

Đảng ta **tuy đông người nhưng khi tiến đánh chỉ như một người**. Điều đó là **nhờ trong Đảng có kỷ luật**.

“Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tutướng cũng phải nhất trí, hành động phải nhất trí”.

Kỷ luật của Đảng là **kỷ luật tự giác**, “do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”.

f) Đoàn kết thống nhất trong Đảng:

Đoàn kết, thống nhất trong Đảng không những **tăng cường sức mạnh** của Đảng mà còn là **cơ sở đoàn kết, thống nhất toàn dân**.

Dựa trên:

- Cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin
- Cương lĩnh, đường lối, quan điểm và điều lệ Đảng
- Nghị quyết của tổ chức Đảng các cấp.

Cơ sở các nguyên tắc xây dựng Đảng: **Mở rộng dân chủ, tập trung, tự phê bình và phê bình**.

Đảng viên phải **tu dưỡng đạo đức thường xuyên, chống chủ nghĩa cá nhân**.

Nhiệm vụ cách mạng càng phát triển thì sự đoàn kết thống nhất ngày càng quan trọng, càng phải được tăng cường.

Phải giữ gìn sự đoàn kết như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

g) Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn:

Xây dựng Đảng là một nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên, vừa cấp bách, vừa lâu dài.

Tính tất yếu khách quan lý giải theo những căn cứ sau:

- **Xây dựng Đảng trong mỗi thời kỳ để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng thời kỳ đó.**
- **Xây dựng chỉnh đốn Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, đặc biệt là giữ được các phẩm chất đạo đức cách mạng tiêu biểu.**
- **Xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền càng phải thường xuyên hơn.**

h) Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân:

Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Vấn đề mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản – giai cấp công nhân – nhân dân Việt Nam là mối quan hệ khăng khít, máu thịt.

Tính hướng đích:

- **Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**
- **Xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh**

i) Đoàn kết quốc tế:

Đảng phải chú trọng giữ vững và tăng cường mối quan hệ quốc tế trong sáng.

Cách mạng Việt Nam là một phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Trong Di chúc, Người mong Đảng “sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”.

3.2.3 XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ ĐẢNG VIÊN

Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên **vừa có đức, vừa có tài, trong sạch, vững mạnh.**

Những yêu cầu chủ yếu:

- Phải **tuyệt đối trung thành** với Đảng.
- Phải là những người **ng nghiêm chỉnh thực hiện** cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, Nghị quyết của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.
- Phải luôn luôn **tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức** cách mạng.
- Phải luôn luôn **học tập, nâng cao trình độ** mọi mặt.
- Phải có mối **liên hệ mật thiết** với nhân dân.
- Phải luôn luôn **chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo.**
- Phải là những người luôn luôn **phòng và chống** các **tiêu cực.**

IV.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

4.1. VAI TRÒ CỦA ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

4.1.1 ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC LÀ VẤN ĐỀ CÓ Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC, QUYẾT ĐỊNH THÀNH CÔNG CỦA CÁCH MẠNG

Đại đoàn kết toàn dân tộc:

- Là **chiến lược lâu dài, nhất quán** của cách mạng Việt Nam
- Là **vấn đề mang tính sống còn** của dân tộc Việt Nam nên chiến lược này được **duy trì cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa**.

Chính sách và phương pháp tập hợp đại đoàn kết có thể và cần thiết phải **điều chỉnh cho phù hợp** với từng đối tượng khác nhau song **không được thay đổi chủ trương** đại đoàn kết toàn dân tộc, vì đó là **nhân tố quyết định sự thành bại** của cách mạng.

Luận điểm mang tính chân lý về **vai trò và sức mạnh** của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “*Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta*”, “*Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công*”, “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”...

4.1.2 ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC LÀ MỘT MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ HÀNG ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Đại đoàn kết toàn dân tộc là **nhiệm vụ hàng đầu** của Đảng và nhiệm vụ này phải được **quán triệt** trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, **do quần chúng và vì quần chúng**.

Đại đoàn kết:

- Là **yêu cầu khách quan** của **sự nghiệp cách mạng**
- Là **đòi hỏi khách quan** của **quần chúng nhân dân** trong cuộc đấu tranh tự giải phóng bởi nếu không đoàn kết thì chính họ sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính mình.

4.2. LỰC LƯỢNG CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

4.2.1 CHỦ THỂ CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

“Nhân dân”:

- Là **con người Việt Nam cụ thể**
- Là **một tập hợp đông đảo** quần chúng nhân dân
- Cả hai **đều là chủ thể** của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Đại đoàn kết toàn dân tộc là **phải tập hợp, đoàn kết được tất cả mọi người** dân vào một khối thống nhất, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, ở trong nước hay ở ngoài nước cùng hướng vào mục tiêu chung.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc:

- Phải đứng vững trên **lập trường giai cấp công nhân**.
- **Giải quyết hài hòa mối quan hệ** giữa giai cấp, dân tộc để tập hợp lực lượng...

4.2.2 NỀN TẢNG CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

Là công nhân, nông dân và trí thức.

Nền tảng này được củng cố **vững chắc** thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng có thể **mở rộng**, khi ấy không có thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải đặc biệt chú trọng **yếu tố “hạt nhân”** là **sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng** vì đó là điều kiện cho sự đoàn kết ngoài xã hội.

4.3. ĐIỀU KIỆN ĐỂ XÂY DỰNG KHỐI ĐOÀN ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

Một là, phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc. Truyền thống đó là giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam; **là cội nguồn sức mạnh** vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Thứ hai, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người.

Ba là, phải có niềm tin vào nhân dân. Dân là chỗ dựa vững chắc đồng thời cũng **là nguồn sức mạnh** vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, **quyết định thắng lợi** của cách mạng.

4.4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CỦA KHỐI

ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC – MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

4.4.1 MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc **chỉ trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh khi được tập hợp, tổ chức lại** thành một khối vững chắc, đó là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Mặt trận dân tộc thống nhất **là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân** yêu nước, tập hợp mọi người dân nước Việt, cả trong nước và kiều bào sinh sống ở nước ngoài.

Mặt trận dân tộc thống nhất có những **tên gọi khác** nhau như:

- Hội Phản đế đồng minh (1930)
- Mặt trận dân chủ (1936)
- Mặt trận nhân dân phản đế (1939)
- Mặt trận Việt Minh (1941)
- Mặt trận Liên Việt (1951)
- Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960)
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955, 1976)...

4.4.2 NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

THỨ NHẤT: Phải được **xây dựng trên nền tảng liên minh** công nhân - nông dân - trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đây là **nguyên tắc cốt lõi**, trên cơ sở đó để mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, kết thành một khối vững chắc trong Mặt trận.

Lấy **liên minh công nông làm nền tảng** “*vì họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đông hơn hết, mà cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chí khí cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác*”

Phải thấy **vai trò và sự cần thiết** phải liên minh với các giai cấp khác, nhất là với **đội ngũ trí thức**.

Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng:

- Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là **thành viên**, vừa là **lực lượng lãnh đạo**, Đảng không có lợi ích riêng, mà gắn liền với lợi ích toàn xã hội, toàn dân tộc.
- Đảng lãnh đạo đối với mặt trận **thể hiện ở khả năng nắm bắt thực tiễn, phát hiện ra quy luật khách quan** sự vận động của lịch sử để **vạch đường lối và phương pháp** cách mạng phù hợp.
- Lãnh đạo Mặt trận hoàn thành **nhiệm vụ** của mình là **đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp**, kết hợp **độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội**.

THỨ HAI: Phải xuất phát từ **mục tiêu vì nước, vì dân**.

Mục đích chung của Mặt trận được xác định cụ thể, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, **nhằm tập hợp tới mức cao nhất lực lượng dân tộc** vào khối đại đoàn kết.

Đại đoàn kết phải **xuất phát từ mục tiêu vì nước, vì dân, trên cơ sở yêu nước, thương dân**, chống áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu.

Đoàn kết phải **lấy lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích căn bản của nhân dân** lao động làm **mục tiêu phấn đấu**:

- Là **nguyên tắc** bất di bất dịch
- Là **ngọn cờ** đoàn kết
- Là **mẫu số chung** để quy tụ các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc và tôn giáo vào trong Mặt trận.

THỨ BA: phải **hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ**.

Mặt trận dân tộc thống nhất là **tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc**, bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo khác nhau, với nhiều lợi ích khác nhau. Do vậy, hoạt động của Mặt trận phải dựa trên nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Mọi vấn đề của Mặt trận đều **phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai**, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức.

Những **lợi ích riêng chính đáng, phù hợp** với lợi ích chung của đất nước, của dân tộc cần **được tôn trọng**, những gì **riêng biệt, không phù hợp** sẽ **dần được giải quyết bằng lợi ích chung** của dân tộc, bằng sự **nhận thức ngày càng đúng đắn** hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng.

THỨ TƯ: phải **đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái** giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Cần có sự bàn bạc để đi đến nhất trí.

Phương châm **“cầu đồng tồn dị”**, lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt.

Đoàn kết thực sự nghĩa là **vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân.**

4.5. PHƯƠNG THỨC XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

MỘT LÀ, làm tốt công tác vận động quần chúng (Dân vận).

Đoàn kết, đại đoàn kết như một **mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu** của Đảng; để thực hiện mục tiêu đó thì **phải làm tốt công tác vận động quần chúng** để đoàn kết mọi người, tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá.

Để **phát huy đầy đủ vai trò, trí tuệ, khả năng** to lớn của quần chúng nhân dân, Đảng và Nhà nước cũng như mọi cán bộ, đảng viên phải:

- **Biết làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ và vận động** quần chúng nhân dân thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.
- **Phải giúp nhân dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ** của người công dân đối với Đảng, với Tổ quốc và với dân tộc.

Phương pháp tiếp cận và vận động quần chúng:

- **Phải phù hợp với tâm tư, nguyện vọng** của quần chúng;
- **Phải xuất phát từ thực tế trình độ dân trí và văn hoá**, theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, bao gồm cả phong tục, tập quán và cụ thể đối với từng địa phương, từng đối tượng của nhân dân.

HAI LÀ, thành lập đoàn thể, tổ chức quần chúng **phù hợp** với từng đối tượng để tập hợp quần chúng.

Những tổ chức để tập hợp, giáo dục, rèn luyện quần chúng **phải phù hợp từng giai cấp, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, vùng miền...** như các tổ chức: Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ...

Các đoàn thể, tổ chức quần chúng **có nhiệm vụ giáo dục, động viên và phát huy tính tích cực** của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ của cách mạng trong từng giai đoạn.

BA LÀ, các đoàn thể, tổ chức quần chúng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Bản chất của đoàn thể nhân dân, các tổ chức quần chúng **là tổ chức của dân**, do đó **vai trò** của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân **là phải vận động quần chúng** bao gồm các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội tham gia vào các tổ chức của mình.

Đối với **các đoàn thể, tổ chức quần chúng**, Hồ Chí Minh cho rằng **được tập hợp và đoàn kết** trong Mặt trận dân tộc thống nhất, do vậy đều **có sự chỉ đạo trong công tác vận động, thu hút, tập hợp** quần chúng tham gia sinh hoạt trong tổ chức của mình.